



Ảnh hưởng của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp: Vai trò trung gian của tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân

VŨ TUẤN DƯƠNG^a, NGUYỄN HOÀNG NAM^{*, a}

^a Trường Đại học Thương mại

THÔNG TIN	TÓM TẮT
Ngày nhận: 22/08/2024 Ngày nhận lại: 03/10/2024 Duyệt đăng: 03/10/2024 Mã phân loại JEL: M13. Từ khóa: Khởi nghiệp; Giáo dục khởi nghiệp; Tinh thần đổi mới; Niềm tin năng lực bản thân; Ý định khởi nghiệp. Keywords: Entrepreneurship; Entrepreneurship education; Personal innovativeness; Self-efficacy; Entrepreneurial intention.	Nghiên cứu áp dụng lý thuyết bản sắc xã hội để đề xuất mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp. Dựa trên dữ liệu thu thập được từ 410 đáp viên và phân tích bằng mô hình cấu trúc bình phương tối thiểu một phần (PLS-SEM), kết quả cho thấy một số phát hiện chính. Thứ nhất, cả tinh thần đổi mới và niềm tin về hiệu quả bản thân đều tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Thứ hai, giáo dục khởi nghiệp nổi lên như một yếu tố dự báo quan trọng về cả tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực. Đáng chú ý, tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực cùng làm trung gian cho mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp của sinh viên. Những phát hiện này có ý nghĩa quan trọng đối với các nhà quản lý trường đại học và các nhà hoạch định chính sách đang tìm cách thúc đẩy môi trường thuận lợi cho hành vi khởi nghiệp của sinh viên. Abstract The study applies the Social Identity Theory to propose a model of the factors influencing entrepreneurial intentions. Based on data collected from 410 respondents and analyzed using Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM), the results reveal several key findings. Firstly, both innovative spirit and self-efficacy beliefs positively impact students' entrepreneurial intentions. Secondly, entrepreneurship education emerges as a significant predictor of both innovative spirit and self-efficacy beliefs. Notably, innovative spirit and self-efficacy beliefs jointly mediate the relationship between entrepreneurship education and students' entrepreneurial intentions.

* Tác giả liên hệ.

Biên tập viên: Nguyễn Thị Hồng Cẩm.

Email: vutuanduong@tmu.edu.vn (Vũ Tuấn Dương), namqtcl@tmu.edu.vn (Nguyễn Hoàng Nam).

Trích dẫn bài viết: Vũ Tuấn Dương, & Nguyễn Hoàng Nam. (2024). Ảnh hưởng của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp: Vai trò trung gian của tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế và Kinh doanh Châu Á*, 35(6), 105-120.

These findings have important implications for university administrators and policymakers seeking to foster a conducive environment for student entrepreneurial behavior.

1. Giới thiệu

Khởi nghiệp đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và là động lực quan trọng để các cá nhân hoàn thiện bản thân và tạo ra giá trị cho cộng đồng (Toma và cộng sự, 2014). Tuy nhiên, hành trình để một cá nhân tiến đến tự chủ kinh doanh và xa hơn là tạo ra giá trị cho xã hội luôn vô cùng khó khăn, tại đó luôn tồn tại những yêu cầu vượt qua thách thức và phát huy được năng lực tiềm ẩn (Ratten, 2023). Do đó, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp để thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp của cá nhân trở thành mục tiêu quan trọng tại nhiều quốc gia (Vu và cộng sự, 2024).

Chính phủ Việt Nam đã tích cực thúc đẩy sự phát triển của hệ sinh thái khởi nghiệp thông qua việc ban hành và thực hiện chính sách. Nhờ đó, Việt Nam đã có bước tiến đáng kể trong bảng xếp hạng chỉ số đổi mới sáng tạo và phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp. Cụ thể, Việt Nam giữ vị trí thứ 44 về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu, trong khi hệ sinh thái khởi nghiệp của Việt Nam đứng thứ 59 trong số 100 quốc gia. Đáng chú ý, Việt Nam nổi lên như một ví dụ điển hình về sự tích cực trong đổi mới sáng tạo của Đông Nam Á (Bộ Khoa học và Công nghệ, 2024). Hơn nữa, Chính phủ Việt Nam đã ban hành Quyết định 844/QĐ-TTg, phê duyệt đề án hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025. Quyết định này nhấn mạnh vai trò chủ chốt của các bên liên quan, bao gồm: Doanh nghiệp, Chính phủ và các cơ sở giáo dục (Thủ tướng Chính phủ, 2016). Nhiều tổ chức giáo dục đã chủ động đưa các học phần về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo vào nội dung giảng dạy của mình. Những nỗ lực này nâng cao đáng kể nhận thức của sinh viên về tinh thần khởi nghiệp và một phần thúc đẩy hành vi khởi nghiệp.

Giáo dục khởi nghiệp được nhận diện như chìa khóa để phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp (Cui & Bell, 2022). Sự hỗ trợ từ giáo dục khởi nghiệp giúp cho các cá nhân hoàn thiện bản thân, phát triển các năng lực và kỹ năng cần thiết cho kinh doanh (Westhead & Solesvik, 2016). Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra rằng những cá nhân được tham gia khóa đào tạo về khởi nghiệp sẽ có thiên hướng khởi sự kinh doanh cao hơn những người không tham gia (Nowiński và cộng sự, 2019). Tuy nhiên, các nghiên cứu về vai trò của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp vẫn tồn tại một số khoảng trống về lý thuyết và thực tiễn. *Thứ nhất*, các nghiên cứu đang có xu hướng đánh giá tác động trực tiếp của giáo dục khởi nghiệp đối với ý định khởi nghiệp (Adekiya & Ibrahim, 2016; Cui & Bell, 2022). Tuy nhiên, việc các cá nhân cùng tham gia giáo dục khởi nghiệp không đảm bảo mức độ hướng đến khởi nghiệp giống nhau, đặc biệt khi kiến thức luôn cần được chuyển hóa thông qua năng lực để tạo ra các giá trị riêng (Oosterbeek và cộng sự, 2010). *Thứ hai*, một số nghiên cứu đã bổ sung các biến trung gian cho mối liên hệ này để làm rõ quá trình chuyển hóa kiến thức sang hành vi khởi nghiệp như: Năng lực khởi nghiệp, động lực khởi nghiệp hay đam mê khởi nghiệp (Nguyen & Nguyen, 2023; Hassan và cộng sự, 2021; Uddin và cộng sự, 2022). Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu đánh giá vai trò trung gian của niềm tin năng lực bản thân và tinh thần đổi mới trong mối quan hệ này, đặc biệt trong bối cảnh 5 năm trở lại đây khi Việt Nam đã nỗ lực cải thiện hệ thống giáo dục khởi nghiệp. Như

vậy, khám phá thêm yếu tố chuyển tiếp giá trị từ giáo dục khởi nghiệp sang ý định khởi nghiệp như niềm tin năng lực và tinh thần đổi mới sẽ giúp giải thích cụ thể hơn vai trò của giáo dục khởi nghiệp. Đặc biệt, các yếu tố được khám phá có thể hỗ trợ hàm ý cho hoạt động phát triển nội dung trọng tâm các chương trình giáo dục khởi nghiệp.

Nghiên cứu này được thực hiện với mục tiêu thiết lập mô hình lý thuyết giải thích cho mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp, đặc biệt chú trọng đến việc khám phá vai trò các yếu tố tiềm ẩn đóng vai trò trung gian của mối quan hệ này. Bài báo được kết cấu thành năm phần, phần thứ nhất giới thiệu nghiên cứu, phần thứ hai xem xét các tài liệu liên quan và phát triển các giả thuyết. Tiếp đến là phần thứ ba mô tả phương pháp nghiên cứu và phần thứ tư trình bày các kết quả. Cuối cùng, thảo luận và hàm ý được trình bày trong phần cuối cùng.

2. Cơ sở lý thuyết, phát triển giả thuyết và mô hình nghiên cứu

2.1. Tinh thần đổi mới, niềm tin năng lực bản thân và ý định khởi nghiệp

Ý định khởi nghiệp liên quan đến sự sẵn lòng của một cá nhân để bắt đầu sự nghiệp kinh doanh và đảm nhận vai trò của một doanh nhân (Al-Jubari, 2019). Trong khi đó, tinh thần đổi mới được xác định thông qua việc cá nhân chủ động tìm kiếm thông tin, sẵn sàng trải nghiệm và suy nghĩ để đánh giá các vấn đề một cách đa diện (Abubakre và cộng sự, 2022). Đặc biệt, tinh thần đổi mới thường được coi là một đặc điểm quan trọng thúc đẩy cá nhân hướng tới các hành động sáng tạo, bao gồm cả hành vi khởi sự kinh doanh (Stauffer, 2016). Zhao và cộng sự (2010) đã chứng minh tinh thần sẵn sàng trải nghiệm là yếu tố quan trọng nâng cao ý định khởi nghiệp. Bên cạnh mục tiêu lãnh đạo sự nghiệp kinh doanh độc lập và thành công, nhiều hoạt động khởi nghiệp còn mang tính phục vụ lợi ích xã hội và thúc đẩy tinh thần đổi mới (Kusmintarti và cộng sự, 2017). Law và Breznik (2017), Wathanakom và cộng sự (2020) và Twum và cộng sự (2021) đã khám phá ra vai trò của tinh thần đổi mới có thể ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Tuy nhiên, Ferreira và cộng sự (2012) lại bác bỏ giả thuyết này trong một nghiên cứu thực nghiệm đối với nhóm học sinh từ 14–15 tuổi. Từ các kết quả không thống nhất về vai trò của tinh thần đổi mới cá nhân, nghiên cứu đề xuất giả thuyết H_1 :

Giả thuyết H_1 : Tinh thần đổi mới có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.

Niềm tin năng lực đại diện cho niềm tin của cá nhân vào khả năng kiểm soát động lực, hành vi và hiệu suất của họ (Wood & Bandura, 1989). Niềm tin năng lực bản thân là một biến số giúp phân biệt những cá nhân bình thường với những doanh nhân, yếu tố này được xem là nền tảng tạo ra các khuynh hướng quyết đoán và thể hiện ý định mạnh mẽ trong khởi nghiệp (Pihie & Bagheri, 2013). Naktiyok và cộng sự (2010) chỉ ra rằng những cá nhân có niềm tin vào năng lực bản thân cao thường tỏ ra nhanh nhạy đối với các cơ hội kinh doanh, ngược lại, những cá nhân có niềm tin năng lực bản thân thấp lại thường dễ nhận thức về các thách thức và hay bỏ cuộc một cách dễ dàng. Một số nghiên cứu đã chỉ ra niềm tin năng lực bản thân có thể nâng cao ý định khởi nghiệp của cá nhân (Christensen và cộng sự, 2023; Vu và cộng sự, 2024). Do đó, giả thuyết nghiên cứu H_2 được thiết lập:

Giả thuyết H_2 : Niềm tin năng lực bản thân có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.

2.2. Giáo dục khởi nghiệp

Giáo dục khởi nghiệp được định nghĩa là sự chuyển giao chính thức kiến thức kinh doanh hoặc là tập hợp các bài học giáo dục, thông tin và đào tạo sinh viên quan tâm đến việc phát triển doanh nghiệp mới (Farhangmehr và cộng sự, 2016). Cui và Bell (2022) nhận định giáo dục khởi nghiệp bao gồm các hoạt động cung cấp kiến thức, kỹ năng và tinh thần cho các cá nhân để hướng đến hành vi khởi nghiệp. Adekiya và Ibrahim (2016) nhấn mạnh giáo dục khởi nghiệp là sự đào tạo và cung cấp kiến thức toàn diện giúp các cá nhân cải thiện nhận thức và nâng cao kỹ năng thực tiễn, đây được xem là yếu tố giúp các cá nhân chuyển biến và đánh thức tinh thần kinh doanh của họ. Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng khi các cá nhân nhận được nhiều lợi ích từ giáo dục khởi nghiệp, họ sẽ có thiên hướng khởi nghiệp rõ ràng hơn (Westhead & Solesvik, 2016; Nowiński và cộng sự, 2019). Từ lập luận trên, giả thuyết H_3 được đề xuất:

Giả thuyết H_3 : Giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp.

Giáo dục khởi nghiệp giúp các cá nhân có thêm kiến thức, tư duy kinh doanh mới và thúc đẩy họ tạo dựng sự nghiệp kinh doanh độc lập (Hameed & Irfan, 2019). Đặc biệt, các kỹ năng như: tư duy phản biện, nhận diện cơ hội kinh doanh và kêu gọi vốn được xem là các nội dung chính của giáo dục khởi nghiệp (Drummond, 2012). Wathanakom và cộng sự (2020) đã khám phá ra mối quan hệ tương quan giữa giáo dục khởi nghiệp và tinh thần đổi mới của cá nhân. Tuy nhiên, chưa có các nghiên cứu đánh giá tác động trực tiếp của giáo dục khởi nghiệp đối với tinh thần đổi mới của cá nhân, mặc dù thay đổi nhận thức và khuyến khích sáng tạo được xem là các mục tiêu căn bản của giáo dục khởi nghiệp. Vì vậy, giả thuyết H_4 được thiết lập:

Giả thuyết H_4 : Giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến tinh thần đổi mới.

Giáo dục khởi nghiệp được nhận diện có thể nâng cao niềm tin năng lực bản thân thông qua sự hỗ trợ cải thiện kiến thức, kỹ năng quản lý và tinh thần kinh doanh (Adekiya & Ibrahim, 2016). Maritz và Brown (2013) nhấn mạnh những trải nghiệm thực tế từ các chương trình đào tạo khởi nghiệp sẽ mang lại nhiều giá trị cho các cá nhân và giúp họ trở nên tự tin hơn khi đưa ra các quyết định khởi sự kinh doanh. Đặc biệt, Wardana và cộng sự (2020), Yeh và cộng sự (2021) chứng minh giáo dục khởi nghiệp có thể chi phối mạnh mẽ niềm tin năng lực bản thân của cá nhân. Giả thuyết nghiên cứu H_5 được đề xuất như sau:

Giả thuyết H_5 : Giáo dục khởi nghiệp có tác động tích cực đến niềm tin năng lực bản thân.

2.3. Vai trò trung gian của tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân

Giáo dục khởi nghiệp giúp tạo ra các nền tảng quan trọng cho các cá nhân và giúp họ có thêm tự tin hướng đến các hoạt động khởi sự kinh doanh (Cui & Bell, 2022). Không chỉ đơn thuần giúp cải thiện kiến thức, giáo dục khởi nghiệp bao gồm cả những hoạt động tạo ra bầu không khí lý tưởng cho sự nuôi dưỡng đam mê khởi nghiệp (Oosterbeek và cộng sự, 2010). Giáo dục khởi nghiệp được nhận diện có tính khai phá cao, điều này giúp các cá nhân thay đổi suy nghĩ, thúc đẩy họ tìm kiếm các giải pháp tốt hơn (Westhead & Solesvik, 2016). Vì vậy, tinh thần đổi mới có thể giúp các cá nhân chuyển hóa những nền tảng kiến thức có được từ giáo dục khởi nghiệp thành các ý tưởng kinh doanh. Do đó, các cá nhân sẽ có thể đồng thời đổi mới về suy nghĩ trong quá trình tiếp thu các giá trị từ giáo dục khởi nghiệp, từ đó có thể dẫn dắt đến các quyết định hình thành sự nghiệp kinh doanh của riêng mình. Bên cạnh đó, các giá trị của giáo dục khởi nghiệp mang lại cho các cá nhân sẽ cần được chuyển hóa

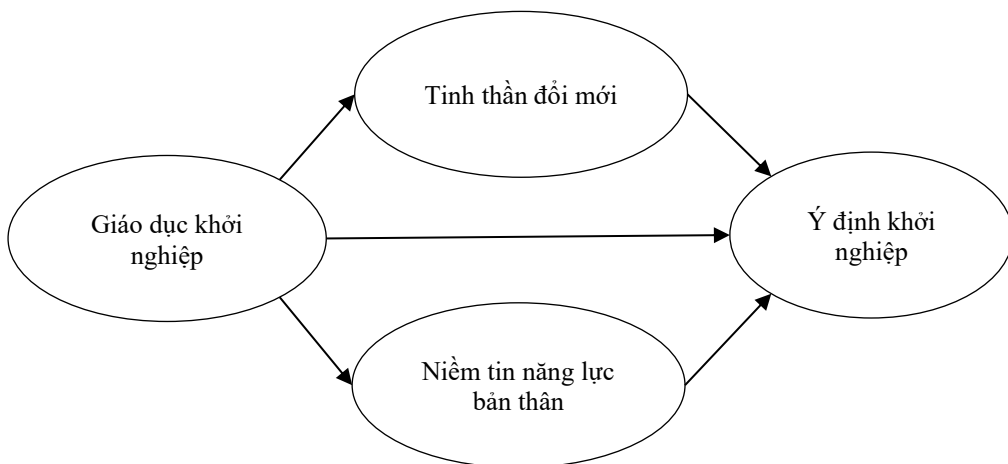
thành năng lực bản thân, điều này giúp họ tự tin đưa ra các quyết định bắt đầu hoạt động kinh doanh. Hơn nữa, khi các cá nhân được thừa hưởng sự giáo dục ngang nhau thì việc dẫn đến các quyết định khởi nghiệp sẽ thường được quyết định bởi niềm tin năng lực bản thân (Naktiyok và cộng sự, 2010). Theo cách lập luận này, tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân có thể là các yếu tố trung gian giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp. Zhao và cộng sự (2005) đã chứng minh niềm tin năng lực bản thân là biến trung gian của mối liên hệ giữa cảm nhận hiệu quả học tập và ý định khởi nghiệp của sinh viên tại Hoa Kỳ. Tuy nhiên, mối liên hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp khi đặt trong giả thiết về sự tham gia của tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân chưa được khám phá tại Việt Nam. Giả thuyết H₆ và H₇ được đề xuất:

Giả thuyết H₆: Tinh thần đổi mới là yếu tố trung gian của mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp.

Giả thuyết H₇: Niềm tin năng lực bản thân là yếu tố trung gian của mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp.

2.4. Mô hình nghiên cứu

Lý thuyết bản sắc xã hội (Tajfel, 1974) và lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội (Lent và cộng sự, 1994) được vận dụng như cơ sở lý thuyết nền tảng của nghiên cứu. Theo lý thuyết bản sắc xã hội, các cá nhân sẽ chịu ảnh hưởng đáng kể bởi văn hóa và đặc điểm của tổ chức họ đang sinh sống và làm việc. Những ảnh hưởng này khiến các yếu tố về nhận thức, kiến thức và năng lực của họ có thể được phát triển theo các định hướng mang bản sắc của tổ chức. Trong nghiên cứu này, giáo dục khởi nghiệp được xem là yếu tố đại diện cho văn hóa, bầu không khí và bản sắc của tổ chức. Tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân là biến số đại diện cho năng lực nhận thức của các cá nhân, và ý định khởi nghiệp chính là biến số phản ánh hệ quả hành vi khi chịu ảnh hưởng của tổ chức. Ngoài ra, nghiên cứu đồng thời vận dụng lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội (Lent và cộng sự, 1994) để lý giải cụ thể hơn cho ảnh hưởng của niềm tin năng lực bản thân và tinh thần đổi mới đối với ý định khởi nghiệp. Theo lý thuyết này, các cá nhân có thể đạt được sự thành công trong nghề nghiệp khi phát triển được sở thích nghề nghiệp và tin tưởng vào năng lực bản thân. Cuối cùng, kết hợp với nội dung về phát triển giả thuyết nghiên cứu, mô hình nghiên cứu được thiết lập như mô tả tại Hình 1.



Hình 1. Mô hình nghiên cứu

3. Phương pháp

3.1. Quy trình

Quy trình nghiên cứu gồm hai bước. *Bước 1*, nhóm tác giả tiến hành tổng quan tài liệu và lý thuyết giúp hỗ trợ đề xuất mô hình nghiên cứu và thang đo ban đầu. Để đảm bảo sự phù hợp với bối cảnh, các cuộc phỏng vấn đội ngũ chuyên gia được thực hiện với sự tham gia của 02 tiến sĩ có chuyên môn về khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, 02 CEO các công ty khởi nghiệp; 02 chuyên gia đào tạo kỹ năng khởi nghiệp và 01 cán bộ chuyên trách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp tại trường đại học. Những cuộc phỏng vấn này giúp cung cấp các kiến thức thực tiễn về hệ sinh thái khởi nghiệp ở Việt Nam, các kết quả này được sử dụng để hiệu chỉnh mô hình và thang đo nghiên cứu.

Bước 2 gồm các phân tích định lượng để kiểm định thang đo và giả thuyết. Trước tiên, thang đo đề xuất sau khi trải qua quá trình hiệu chỉnh ở Bước 1 được kiểm định thông qua đánh giá hệ số tin cậy Cronbach's Alpha với sự tham gia của 50 đáp viên trước khi được gửi đi chính thức. Tiếp đó, các kiểm định mô hình đo lường và giả thuyết nghiên cứu được tiến hành chủ yếu qua hai phần mềm SPSS 26 và Smart PLS 4.0.9.2. Các ngưỡng tham chiếu được tuân thủ theo đề xuất của Hair và cộng sự (2021) và Henseler và cộng sự (2015). Cuối cùng, từ các kết quả nghiên cứu đạt được, một số thảo luận và hàm ý chính sách được đề xuất đến các nhà quản trị đại học và cơ quan quản lý nhà nước nhằm thiết lập môi trường thuận lợi cho hoạt động khởi nghiệp của sinh viên.

3.2. Thang đo và bảng hỏi

Thang đo của nghiên cứu được tham khảo từ các nghiên cứu liên quan đồng thời được trải qua quá trình hiệu chỉnh và kiểm định hệ số tin cậy trước khi phân bổ chính thức. Cụ thể, giáo dục khởi nghiệp được đo lường bởi 08 biến quan sát áp dụng theo Adekiya và Ibrahim (2016). Tinh thần đổi mới cá nhân được đo lường bằng 04 biến quan sát được tham khảo từ Abubakre và cộng sự (2022). Niềm tin năng lực bản thân gồm 08 biến quan sát được tham khảo theo Vu và cộng sự (2024). Cuối cùng, ý định khởi nghiệp gồm 06 biến quan sát được áp dụng theo Al-Jubari (2019). Bảng hỏi của nghiên cứu bao gồm cam kết về đạo đức trong nghiên cứu, các câu hỏi nhân khẩu học và nội dung của thang đo được diễn đạt theo thang đo Likert 7 điểm (từ 1 – Rất không đồng ý đến 7 – Rất đồng ý). Thang đo được mô tả tại Bảng 1.

3.3. Khảo sát và mẫu nghiên cứu

Đối tượng khảo sát của nghiên cứu chủ yếu là các sinh viên đã học tập trên hai năm và đã tham gia các khóa học, môn học về khởi nghiệp tại các trường đại học. Sở dĩ nghiên cứu tập trung khảo sát nhóm đối tượng này vì sinh viên đại học được xác định là nhóm dân số có xu hướng kinh doanh cao và được thừa hưởng giáo dục khởi nghiệp một cách bài bản (Cater và cộng sự, 2022). Mẫu nghiên cứu được thu thập từ các sinh viên đã tham gia các học phần hoặc các khóa đào tạo khởi nghiệp đến từ 12 trường đại học lớn tại Hà Nội, Đà Nẵng và TP.HCM. Thông tin được thu thập qua hình thức phỏng vấn trực tiếp, các đáp viên cần cam kết có đầy đủ năng lực và kiến thức để cung cấp thông tin cho nghiên cứu. Từ tháng 3 đến hết tháng 4 năm 2024, sau khi phát ra 600 phiếu khảo sát, nhóm nghiên cứu thu về 433 phản hồi, sau khi loại bỏ 23 phiếu bị thiếu thông tin và dữ liệu ngoại lai, 410 phản hồi được xác nhận là phù hợp để đưa vào phân tích. Đặc điểm mẫu nghiên cứu chỉ ra trong số 410 đáp viên thì số lượng sinh viên nam giới là 209 (chiếm tỷ lệ 50,98%), còn lại 201 đáp viên là nữ

giới (chiếm tỷ lệ 49,02%). Tiếp đó, có đến 213 sinh viên cho biết họ đang là sinh viên năm thứ ba (chiếm 51,95%) và 190 sinh viên cho biết đang học trong giai đoạn từ năm thứ tư trở lên (chiếm 46,34%) và chỉ có 7 sinh viên là sinh viên năm thứ hai (chiếm 1,70%). Về kinh nghiệm kinh doanh, có 248 sinh viên cho biết họ đã tham gia vào các hoạt động kinh doanh (chiếm 60,49%) và 162 đáp viên chưa từng tham gia các hoạt động kinh doanh (chiếm 39,51%). Cuối cùng, 169 sinh viên cho biết gia đình có cha/mẹ là doanh nhân (chiếm 41,22%) và 241 sinh viên không có cha/mẹ là doanh nhân (chiếm 58,78%).

4. Kết quả nghiên cứu

4.1. Kiểm định sai lệch phương pháp

Nghiên cứu áp dụng một số đề xuất của Podsakoff và cộng sự (2003) để hạn chế khả năng xuất hiện của sai lệch phương pháp. Ngoài ra, kiểm định nhân tố đơn Harman cho thấy nhân tố đơn có mức độ giải thích dưới 50% tổng phương sai. Vì vậy, các vấn đề về sai lệch phương pháp dường như không xuất hiện trong nghiên cứu này (Podsakoff và cộng sự, 2003).

4.2. Kiểm định mô hình đo lường

Kết quả đánh giá mô hình đo lường tại Bảng 1 và Bảng 2 cho thấy các hệ số tải nhân tố của các yếu tố đều lớn hơn 0,7; các giá trị độ tin cậy tổng hợp đều vượt mức 0,7; hệ số tin cậy Cronbach's Alpha (α) lớn hơn 0,7 và phương sai trung bình trích đều lớn hơn 0,5. Do đó, mô hình đo lường đảm bảo độ tin cậy và giá trị hội tụ (Hair và cộng sự, 2021).

Bảng 1.

Thang đo nghiên cứu và kết quả độ tin cậy, giá trị hội tụ và hệ số phóng đại phương sai

Biến quan sát	Chỉ số hệ số tải nhân tố (Ols)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	Hệ số tin cậy chính xác (ρ_A)	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trung bình trích (AVE)
<i>Ý định khởi nghiệp</i>					
Tôi sẵn sàng làm mọi thứ để trở thành một doanh nhân.	0,757	1,788	0,880	0,908	0,623
Tôi sẽ nỗ lực hết mình để khởi nghiệp và điều hành doanh nghiệp của riêng mình.	0,764	1,756			
Mục tiêu nghề nghiệp của tôi là trở thành doanh nhân.	0,772	1,926			
Tôi quyết tâm tạo dựng doanh nghiệp trong tương lai.	0,790	1,949			
Tôi đã suy nghĩ rất nghiêm túc về việc khởi nghiệp.	0,825	2,196			

Biến quan sát	Chỉ số hệ số tải nhân tố (Ols)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	Hệ số tin cậy chính xác (rho_A)	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trung bình trích (AVE)
Tôi có ý định sẽ khởi nghiệp một ngày nào đó.	0,827	2,235			
<i>Niềm tin năng lực bản thân</i>					
Tôi sẽ có thể đạt được hầu hết các mục tiêu mà tôi đã đặt ra cho bản thân.	0,781	1,970	0,897	0,916	0,577
Khi đối mặt với những nhiệm vụ khó khăn, tôi chắc chắn rằng mình sẽ hoàn thành chúng.	0,773	1,935			
Nhìn chung, tôi nghĩ rằng mình có thể đạt được những kết quả quan trọng đối với mình.	0,750	1,843			
Tôi tin rằng mình có thể thành công trong hầu hết mọi nỗ lực mà tôi đặt ra.	0,758	1,883			
Tôi có thể sẵn sàng vượt qua nhiều thử thách để hướng đến thành công.	0,743	1,811			
Tôi tự tin rằng mình có thể thực hiện hiệu quả nhiều nhiệm vụ khác nhau.	0,747	1,850			
So với người khác, tôi có thể thực hiện hầu hết các nhiệm vụ rất tốt.	0,762	1,946			
Ngay cả khi mọi thứ khó khăn, tôi vẫn có thể thực hiện khá tốt.	0,760	1,970			
<i>Tinh thần đổi mới</i>					
Tôi là người thích ủng hộ những ý tưởng mới.	0,771	1,480	0,757	0,844	0,576
Tôi thích tham gia thảo luận về các góc nhìn khác nhau của vấn đề.	0,780	1,474			
Tôi thích chấp nhận rủi ro để đổi mới.	0,701	1,320			
Tôi đánh giá cao sự linh hoạt trong quá trình làm việc.	0,780	1,521			

Biến quan sát	Chỉ số hệ số tải nhân tố (Ols)	Hệ số phóng đại phương sai (VIF)	Hệ số tin cậy chính xác (rho_A)	Độ tin cậy tổng hợp (CR)	Phương sai trung bình trích (AVE)
<i>Giáo dục khởi nghiệp</i>					
Tôi cảm thấy rất tuyệt khi được tham gia các khóa đào tạo và phát triển tinh thần khởi nghiệp do trường đại học cung cấp.	0,789	2,057	0,885	0,907	0,550
Khóa học giáo dục khởi nghiệp là một trong những khóa học tốt nhất ở trường đại học.	0,765	2,008			
Tôi đã học được rất nhiều từ các hoạt động giáo dục khởi nghiệp về phát triển tinh thần khởi nghiệp.	0,719	1,684			
Với giáo dục khởi nghiệp, cuộc sống của tôi đã thay đổi rất nhiều.	0,705	1,625			
Giảng viên của chương trình giáo dục khởi nghiệp đã làm mọi cách để đảm bảo kiến thức được truyền đạt đầy đủ cho sinh viên.	0,715	1,902			
Giáo dục khởi nghiệp đã trang bị cho tôi những kỹ năng và chuyên môn cần thiết để khởi nghiệp kinh doanh của riêng mình.	0,711	1,653			
Việc giới thiệu các khóa học phát triển khởi nghiệp tại trường đại học rất đáng khen ngợi.	0,780	2,516			
Nhìn chung, tôi hài lòng với các chương trình giáo dục khởi nghiệp tại trường đại học.	0,743	1,938			

Tiêu chí hệ số tương quan Heterotrait-Monotrait ratio (HTMT) trong phân tích giá trị phân biệt được đảm bảo do các hệ số nhỏ hơn 0,85. Vì vậy, giá trị phân biệt được đảm bảo trong nghiên cứu này (Henseler và cộng sự, 2015).

Bảng 2.

Kết quả đánh giá tiêu chí HTMT, hệ số Cronbach's Alpha và thống kê mô tả

	(1)	(2)	(4)	(5)	Trung bình	Độ lệch chuẩn	α
(1) Giáo dục khởi nghiệp					4,372	1,019	0,883
(2) Niềm tin năng lực bản thân	0,332				4,331	0,721	0,895
(3) Tinh thần đổi mới	0,538	0,561			4,687	0,793	0,754
(4) Ý định khởi nghiệp	0,407	0,630	0,687		4,705	0,682	0,879

4.3. Kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Kết quả phân tích SEM với mẫu lặp 5.000 được mô tả tại Bảng 3 cho thấy tất cả 5 giả thuyết về tác động trực tiếp được chấp nhận, niềm tin năng lực bản thân là yếu tố then chốt thúc đẩy ý định khởi nghiệp ($\beta = 0,374^{***}$; $t = 8,342$), tiếp đó là tinh thần đổi mới ($\beta = 0,347^{***}$; $t = 7,006$) và giáo dục khởi nghiệp ($\beta = 0,096$; $t = 2,107$). Nghiên cứu đồng thời chứng minh giáo dục khởi nghiệp có vai trò quan trọng dự đoán tinh thần đổi mới ($\beta = 0,441^{***}$; $t = 9,675$) và niềm tin năng lực bản thân ($\beta = 0,299^{***}$; $t = 5,848$). Đặc biệt, hai giả thuyết nghiên cứu về vai trò trung gian của tinh thần đổi mới ($\beta = 0,153^{***}$; $t = 6,196$) và niềm tin năng lực bản thân ($\beta = 0,112^{***}$; $t = 5,017$) đối với mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp được chấp nhận. Do đó, tác động tổng của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp được ghi nhận ở mức cao hơn đáng kể so với nếu chỉ xét ảnh hưởng trực tiếp ($\beta = 0,361^{***}$; $t = 6,928$).

Bảng 3.

Kết quả phân tích SEM

Giả thuyết	β	Giá trị t
<i>Tác động trực tiếp</i>		
H1: Tinh thần đổi mới $\rightarrow$ Ý định khởi nghiệp	0,347***	7,006
H2: Niềm tin năng lực bản thân $\rightarrow$ Ý định khởi nghiệp	0,374***	8,342
H3: Giáo dục khởi nghiệp $\rightarrow$ Ý định khởi nghiệp	0,096*	2,107
H4: Giáo dục khởi nghiệp $\rightarrow$ Tinh thần đổi mới	0,441***	9,675
H5: Giáo dục khởi nghiệp $\rightarrow$ Niềm tin năng lực bản thân	0,299***	5,848
<i>Tác động gián tiếp</i>		
H6: Giáo dục khởi nghiệp $\rightarrow$ Tinh thần đổi mới $\rightarrow$ Ý định khởi nghiệp	0,153***	6,196
H7: Giáo dục khởi nghiệp $\rightarrow$ Niềm tin năng lực bản thân $\rightarrow$ Ý định khởi nghiệp	0,112***	5,017
<i>Tác động tổng</i>		
Giáo dục khởi nghiệp $\rightarrow$ Ý định khởi nghiệp	0,361***	6,928
<i>Mức độ phù hợp của mô hình</i>		
SRMR = 0,053		
<i>Mức độ giải thích</i>		

Giả thuyết	β	Giá trị t
R^2 ý định khởi nghiệp: 44%		
R^2 niềm tin năng lực bản thân: 8,9%		
R^2 tinh thần đổi mới: 19,4%		
Mức độ dự báo		
Q^2 ý định khởi nghiệp: 0,120		
Q^2 niềm tin năng lực bản thân: 0,080		
Q^2 tinh thần đổi mới: 0,184		

Ghi chú: *, ***, lần lượt tương ứng với các mức ý nghĩa thống kê 10% và 1%; β : Hệ số tác động chuẩn hóa; SRMR: Sự khác biệt giữa dữ liệu thực tế và phân mô hình dự đoán.

5. Thảo luận và một số hàm ý

5.1. Thảo luận

Thông qua vận dụng lý thuyết bản sắc xã hội, lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội và phân tích mô hình cấu trúc tuyến tính, nghiên cứu đã giải thích hiệu quả được sự biến thiên của ý định khởi nghiệp của sinh viên, chỉ số R^2 đạt đến 44%. Đặc biệt, nghiên cứu đồng thời khám phá ra một số mối liên hệ mới giữa các cấu trúc và vai trò trung gian của tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân đối với mối quan hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và ý định khởi nghiệp. Các kết quả này giúp nâng cao đáng kể hiểu biết và làm đa dạng thêm các học liệu về chủ đề vai trò của giáo dục đối với hành vi khởi nghiệp. Một số kết quả quan trọng của nghiên cứu bao gồm:

Niềm tin năng lực bản thân là yếu tố then chốt tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp của sinh viên. Khám phá này hàm ý rằng sinh viên khi cảm thấy đủ tự tin về năng lực và kỹ năng thì họ sẽ có thiên hướng khởi sự kinh doanh cao hơn. Kết luận này tương đồng với các kết quả được kết luận từ Christensen và cộng sự (2023), Lent và cộng sự (1994), Vu và cộng sự (2024). Tiếp đó, nghiên cứu này đồng thời làm nổi bật vai trò của tinh thần đổi mới trong việc thúc đẩy ý định khởi nghiệp, kết quả này ủng hộ mạnh mẽ cho các kết luận của Law và Breznik (2017), Wathanakom và cộng sự (2020), Zhao và cộng sự (2010) và Twum và cộng sự (2021). Trong bối cảnh môi trường kinh doanh tồn tại nhiều thách thức và cường độ cạnh tranh cao, các cá nhân để bắt đầu sự nghiệp kinh doanh luôn cần đánh giá đúng năng lực bản thân và cố gắng tìm kiếm các thị trường tiềm năng. Do đó, việc có khả năng tư duy đa diện, chấp nhận rủi ro và đề cao ý tưởng mới sẽ trở thành ưu thế để giúp họ tự tin hơn khi bắt đầu sự nghiệp kinh doanh.

Giáo dục khởi nghiệp được chỉ ra có thể nâng cao niềm tin năng lực bản thân. Kết quả này tương đồng với kết luận của Wardana và cộng sự (2020) và Yeh và cộng sự (2021) trong các nghiên cứu tại Indonesia và Trung Quốc. Thông thường, để có thể tự tin về năng lực bản thân, các cá nhân sẽ cần trang bị đầy đủ nền tảng kiến thức và kỹ năng. Trong khi đó, khởi nghiệp là quá trình đòi hỏi nhiều nỗ lực cả về tinh thần và khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng trong kinh doanh. Vì vậy, những hoạt động đào tạo tập trung và có tính chuyên sâu trong chương trình giáo dục khởi nghiệp tại các trường đại học sẽ liên hệ mật thiết đến niềm tin năng lực bản thân. Đặc biệt, từ cơ sở về mối liên hệ tương quan giữa giáo dục khởi nghiệp và tinh thần đổi mới (Wathanakom và cộng sự, 2020), nghiên cứu

này khám phá ra tác động trực tiếp của giáo dục khởi nghiệp và tinh thần đổi mới. Thậm chí hệ số tác động của mối liên hệ này cao hơn so với niềm tin năng lực bản thân. Kết quả này gợi mở thêm vai trò của giáo dục khởi nghiệp trong việc nâng cao yếu tố tinh thần cho các cá nhân.

Cuối cùng, giáo dục khởi nghiệp được chỉ ra có tác động trực tiếp đến ý định khởi nghiệp, mặc dù mức độ tác động không quá cao. Kết quả này giúp củng cố kết luận của Westhead và Solesvik (2016), Nowiński và cộng sự (2019). Tuy nhiên, việc khám phá ra tác động gián tiếp thông qua hai biến trung gian mới là khám phá quan trọng của nghiên cứu. Kết quả này giúp mở rộng các kết luận của Zhao và cộng sự (2005), theo đó, các tác động gián tiếp giúp cải thiện đáng kể tổng tác động của giáo dục khởi nghiệp lên ý định khởi nghiệp (từ 0,096 lên 0,361). Điều này gợi mở về vai trò chuyển hóa các hữu ích từ giáo dục khởi nghiệp thông qua tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân mới là cơ chế ưu việt để cải thiện ý định khởi nghiệp thay vì xem xét tác động trực tiếp như các nghiên cứu trước đây (Cui & Bell, 2022; Adekiya & Ibrahim, 2016).

5.2. Một số hàm ý

Về lý thuyết, nghiên cứu này vận dụng lý thuyết bản sắc xã hội và lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội đã chứng minh sự tồn tại của các mối liên kết giữa các cấu trúc như: giáo dục khởi nghiệp, tinh thần đổi mới, niềm tin năng lực bản thân và ý định khởi nghiệp. Bên cạnh việc củng cố các quan điểm từ một số nghiên cứu trong quá khứ, nghiên cứu này còn khám phá ra mối liên hệ giữa giáo dục khởi nghiệp và tinh thần đổi mới. Đặc biệt, dưới vai trò của hai biến trung gian, tinh thần đổi mới và niềm tin năng lực bản thân đã làm rõ nét hơn cơ chế tác động của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp. Những khám phá này hàm ý các nghiên cứu trong tương lai nên xem xét bổ sung các yếu tố trung gian có liên quan đến nội tại bên trong các cá nhân để chuyển hóa hữu ích từ quá trình giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp cá nhân. Phương pháp tiếp cận này có tiềm năng lớn để lý giải ảnh hưởng của giáo dục khởi nghiệp và thấu hiểu sâu sắc hơn về các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi khởi nghiệp. Bên cạnh đó, thang đo và mô hình của nghiên cứu này có thể là nền tảng cho các nghiên cứu trong tương lai mở rộng mô hình dựa trên lý thuyết bản sắc xã hội và lý thuyết nghề nghiệp nhận thức xã hội, hướng đến việc hoàn thiện hơn khối kiến thức về chủ đề hành vi khởi nghiệp.

Về thực tiễn, nghiên cứu hàm ý cho các trường đại học và các nhà hoạch định chính sách. Hiện nay, các trường đại học và Chính phủ đã dành nhiều nỗ lực ban hành các chính sách hỗ trợ xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp, kèm với đó là các chương trình giáo dục khởi nghiệp. Nghiên cứu này hàm ý cần hướng nội dung chương trình giáo dục khởi nghiệp đến mục tiêu cải thiện hai khía cạnh là niềm tin năng lực bản thân và tinh thần đổi mới, vì đây là hai yếu tố tăng cường ảnh hưởng của giáo dục khởi nghiệp đến ý định khởi nghiệp. Các chương trình giáo dục khởi nghiệp nên thiết kế trọng tâm vào các nội dung về tư duy phân biện, tính sáng tạo, linh hoạt và khuyến khích cá nhân đưa ra ý tưởng mới. Hơn nữa, giáo dục khởi nghiệp nên tăng cường tính thực tiễn và mô phỏng chân thực hơn các khó khăn trong quá trình khởi nghiệp. Ví dụ: Các chương trình giáo dục khởi nghiệp tại các trường đại học có thể liên kết chặt chẽ với các doanh nghiệp nhằm cho phép người học tham gia các dự án khởi nghiệp thực tế hoặc tăng cường sự đóng góp của các chuyên gia/doanh nhân trong giảng dạy. Những bổ sung này sẽ tạo ra trải nghiệm chân thực và giúp các cá nhân tự tin hơn, từ đó nuôi dưỡng ý tưởng và chuyển hóa thành các quyết định khởi sự kinh doanh trong tương lai. Đối với các nhà hoạch định chính sách, nghiên cứu này cho thấy sự cần thiết gia tăng giáo dục khởi nghiệp, đặc biệt trong giáo dục đại học, khi đây là nơi sinh viên - các cá nhân có xu hướng kinh doanh cao và khả năng nhận thức tốt hoàn thiện kiến thức cũng như kỹ năng trước khi chính thức tham gia thị trường

lao động. Vì vậy, các chương trình giáo dục khởi nghiệp cần phát huy khả năng truyền tải kiến thức, kỹ năng và quan trọng hơn là những trải nghiệm có tính thực tế cho người học để giúp họ nâng cao năng lực bản thân, thay đổi suy nghĩ và phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo. Cuối cùng, cần có các chính sách nâng cao mối liên hệ giữa các trường đại học và doanh nghiệp để gia tăng trải nghiệm thực tế cho người học nhằm cung cấp các góc nhìn chân thực về khởi nghiệp cũng như bổ sung các kỹ năng thực tiễn cho sinh viên.

Tài liệu tham khảo

- Abubakre, M., Zhou, Y., & Zhou, Z. (2022). The impact of information technology culture and personal innovativeness in information technology on digital entrepreneurship success. *Information Technology & People*, 35(1), 204-231.
- Adekiya, A. A., & Ibrahim, F. (2016). Entrepreneurship intention among students. The antecedent role of culture and entrepreneurship training and development. *The International Journal of Management Education*, 14(2), 116-132.
- Al-Jubari, I. (2019). College students' entrepreneurial intention: Testing an integrated model of SDT and TPB. *Sage Open*, 9(2), <https://doi.org/10.1177/2158244019853467>
- Bộ Khoa học và Công nghệ. (2024). *Việt Nam tăng 2 bậc xếp hạng Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2024*. Truy cập từ <https://www.most.gov.vn/vn/tin-tuc/24713/viet-nam-tang-2-bac-xep-hang-chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-nam-2024.aspx>
- Cater, J. J., Young, M., Al-Shammari, M., & James, K. (2022). Re-exploring entrepreneurial intentions and personality attributes during a pandemic. *Journal of International Education in Business*, 15(2), 311-330.
- Christensen, B. T., Arendt, K. M., McElheron, P., & Ball, L. J. (2023). The design entrepreneur: How adaptive cognition and formal design training create entrepreneurial self-efficacy and entrepreneurial intention. *Design Studies*, 86, 101181.
- Cui, J., & Bell, R. (2022). Behavioural entrepreneurial mindset: How entrepreneurial education activity impacts entrepreneurial intention and behaviour. *The International Journal of Management Education*, 20(2), 100639.
- Drummond, C. K. (2012). Team-based learning to enhance critical thinking skills in entrepreneurship education. *Journal of Entrepreneurship Education*, 15, 57-64.
- Farhangmehr, M., Gonçalves, P., & Sarmento, M. (2016). Predicting entrepreneurial motivation among university students: The role of entrepreneurship education. *Education+ Training*, 58(7/8), 861-881.
- Ferreira, J. J., Raposo, M. L., Gouveia Rodrigues, R., Dinis, A., & do Paco, A. (2012). A model of entrepreneurial intention: An application of the psychological and behavioral approaches. *Journal of Small Business and Enterprise Development*, 19(3), 424-440.
- Hair, Jr. J. F., Hult, G. T. M., Ringle, C. M., Sarstedt, M., Danks, N. P., & Ray, S. (2021). *Partial Least Squares Structural Equation Modeling (PLS-SEM) Using R: A Workbook* (p. 197). Springer Nature.

- Hameed, I., & Irfan, Z. (2019). Entrepreneurship education: A review of challenges, characteristics and opportunities. *Entrepreneurship Education*, 2(3), 135-148.
- Hassan, A., Anwar, I., Saleem, I., Islam, K. B., & Hussain, S. A. (2021). Individual entrepreneurial orientation, entrepreneurship education and entrepreneurial intention: The mediating role of entrepreneurial motivations. *Industry and Higher Education*, 35(4), 403-418.
- Henseler, J., Ringle, C. M., & Sarstedt, M. (2015). A new criterion for assessing discriminant validity in variance-based structural equation modeling. *Journal of the Academy of Marketing Science*, 43, 115-135.
- Kusmintarti, A., Asdani, A., & Riwayatanti, N. I. (2017). The relationship between creativity, entrepreneurial attitude and entrepreneurial intention (case study on the students of State Polytechnic Malang). *International Journal of Trade and Global Markets*, 10, 28-36.
- Law, K. M., & Breznik, K. (2017). Impacts of innovativeness and attitude on entrepreneurial intention: Among engineering and non-engineering students. *International Journal of Technology and Design Education*, 27, 683-700.
- Lent, R. W., Brown, S. D., & Hackett, G. (1994). Toward a unifying social cognitive theory of career and academic interest, choice, and performance. *Journal of Vocational Behavior*, 45(1), 79-122.
- Maritz, A., & Brown, C. (2013). Enhancing entrepreneurial self-efficacy through vocational entrepreneurship education programmes. *Journal of Vocational Education & Training*, 65(4), 543-559.
- Naktiyok, A., Nur Karabey, C., & Caglar Gulluce, A. (2010). Entrepreneurial self-efficacy and entrepreneurial intention: The Turkish case. *International Entrepreneurship and Management Journal*, 6, 419-435.
- Nguyen, Q. D., & Nguyen, H. T. (2023). Entrepreneurship education and entrepreneurial intention: The mediating role of entrepreneurial capacity. *The International Journal of Management Education*, 21(1), 100730.
- Nowiński, W., Haddoud, M. Y., Lančarič, D., Egerová, D., & Czeglédi, C. (2019). The impact of entrepreneurship education, entrepreneurial self-efficacy and gender on entrepreneurial intentions of university students in the Visegrad countries. *Studies in Higher Education*, 44(2), 361-379.
- Oosterbeek, H., van Praag, M., & Ijsselstein, A. (2010). The impact of entrepreneurship education on entrepreneurship skills and motivation. *European Economic Review*, 54(3), 442-454.
- Pihie, Z. A. L., & Bagheri, A. (2013). Self-efficacy and entrepreneurial intention: The mediation effect of self-regulation. *Vocations and Learning*, 6, 385-401.
- Podsakoff, P. M., MacKenzie, S. B., Lee, J. Y., & Podsakoff, N. P. (2003). Common method biases in behavioral research: A critical review of the literature and recommended remedies. *Journal of Applied Psychology*, 88(5), 879-903.
- Ratten, V. (2023). Entrepreneurship: Definitions, opportunities, challenges, and future directions. *Global Business and Organizational Excellence*, 42(5), 79-90.
- Stauffer, D. (2016). Personal innovativeness as a predictor of entrepreneurial value creation. *International Journal of Innovation Science*, 8(1), 4-26.
- Tajfel, H. (1974). Social identity and intergroup behaviour. *Social Science Information*, 13(2), 65-93.

- Thủ tướng Chính phủ. (2016). *Quyết định số 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt “Chính sách hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”*, ban hành ngày 18/5/2016. Truy cập từ <https://vanban.chinhphu.vn/default.aspx?pageid=27160&docid=184702#:~:text=B%C3%A1o%20c%C3%A1o%20c%E1%BB%A7a%20Ch%C3%ADnh%20ph%E1%BB%A7.%20Th%E1%BB%A7%20t%C6%B0%E1%BB%9Bng%20v%C3%A0%20th%C3%A0nh%20vi%C3%AAn>
- Toma, S. G., Grigore, A. M., & Marinescu, P. (2014). Economic development and entrepreneurship. *Procedia Economics and Finance*, 8, 436-443.
- Twum, K. K., Kwakwa, P. A., Ofori, D., & Nkukporu, A. (2021). The relationship between individual entrepreneurial orientation, network ties, and entrepreneurial intention of undergraduate students: Implications on entrepreneurial education. *Entrepreneurship Education*, 4, 39-66.
- Uddin, M., Chowdhury, R. A., Hoque, N., Ahmad, A., Mamun, A., & Uddin, M. N. (2022). Developing entrepreneurial intentions among business graduates of higher educational institutions through entrepreneurship education and entrepreneurial passion: A moderated mediation model. *The International Journal of Management Education*, 20(2), 100647.
- Vu, T. D., Bui, L. P., Vu, P. A., Dang-Van, T., Le, B. N., & Nguyen, N. (2024). Understanding female students' entrepreneurial intentions: Gender inequality perception as a barrier and perceived family support as a moderator. *Journal of Entrepreneurship in Emerging Economies*. <https://doi.org/10.1108/JEEE-05-2024-0171>
- Wardana, L. W., Narmaditya, B. S., Wibowo, A., Mahendra, A. M., Wibowo, N. A., Harwida, G., & Rohman, A. N. (2020). The impact of entrepreneurship education and students' entrepreneurial mindset: The mediating role of attitude and self-efficacy. *Heliyon*, 6(9), e04922.
- Wathanakom, N., Khlaisang, J., & Songkram, N. (2020). The study of the causal relationship between innovativeness and entrepreneurial intention among undergraduate students. *Journal of Innovation and Entrepreneurship*, 9(15), 2-13.
- Westhead, P., & Solesvik, M. Z. (2016). Entrepreneurship education and entrepreneurial intention: Do female students benefit?. *International Small Business Journal*, 34(8), 979-1003.
- Wood, R., & Bandura, A. (1989). Social cognitive theory of organizational management. *The Academy of Management Review*, 14(3), 361-384.
- Yeh, C.-H., Lin, H.-H., Wang, Y.-M., Wang, Y.-S., & Lo, C.-W. (2021). Investigating the relationships between entrepreneurial education and self-efficacy and performance in the context of internet entrepreneurship. *The International Journal of Management Education*, 19(3), 100565.
- Zhao, H., Seibert, S. E., & Hills, G. E. (2005). The mediating role of self-efficacy in the development of entrepreneurial intentions. *Journal of Applied Psychology*, 90(6), 1265-1272.
- Zhao, H., Seibert, S. E., & Lumpkin, G. T. (2010). The relationship of personality to entrepreneurial intentions and performance: A meta-analytic review. *Journal of Management*, 36(2), 381-404.